

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/01/2026.  
V/v: “Tranh chấp về  
Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đinh Thị Thu Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Thẩm Văn Minh và ông Nguyễn Đức Thiệu.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2025/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim Đ, sinh năm 1998

Địa chỉ: Khu X, xã V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hoàng Công H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu X, xã V, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đ xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1, Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Kim Đ trình bày: Chị và anh Hoàng Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2017 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã V, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu X, xã V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2025 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh H nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là cháu Hoàng Ngọc H1, sinh ngày 14/11/2018; cháu Hoàng Thúy N, sinh ngày 06/7/2020 và cháu Hoàng Thanh

H2, sinh ngày 05/10/2022. Hiện nay cháu H1, cháu N đang ở cùng anh H và bố mẹ anh H, được anh H và bố mẹ anh H chăm sóc tốt. Bố mẹ anh H có nhà cửa đất đai ổn định đảm bảo chỗ ăn ở cho bố con anh H. Bố mẹ anh H luôn giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc cháu N, cháu H1. Còn cháu H2 hiện nay đang ở cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ chị tại khu K, xã C, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu N, cháu H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu H2 cho chị nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thùy N1 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 tháng, kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu N1 thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết.

2, *P bị đơn anh Hoàng Công H*: Tòa án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2025 ông Hoàng Văn L (bố đẻ anh H) trình bày*: Chị Đ và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2017 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã V, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, không bao ban được nhau nên có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ chị Đ ở xã C từ tháng 07/2025 đến nay, từ đó không quay về chung sống cùng anh H nữa. Anh chị ly thân từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị Đ xin ly hôn anh H ông mong muốn anh chị quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị Đ kiên quyết xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị Đ và anh H có 03 con chung là cháu Hoàng Ngọc H1, sinh ngày 14/11/2018; cháu Hoàng Thúy N, sinh ngày 06/7/2020 và cháu Hoàng Thanh H2, sinh ngày 05/10/2022. Hiện nay cháu H1, cháu N đang ở cùng anh H và vợ chồng ông. Còn cháu H2 đang ở cùng chị Đ và bố mẹ đẻ chị Đ. Trường hợp anh chị ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cháu H1, cháu N cho anh H nuôi dưỡng và giao cháu H2 cho chị Đ được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vợ chồng ông có nhà cửa đất đai ổn định đảm bảo chỗ ăn ở cho bố con anh H và vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1, cháu N. Anh H hiện nay làm lao động tự do, có thu nhập khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng)/01 tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu H1, cháu N. Anh H cũng nói với ông nếu ly hôn nguyện vọng của anh H là nuôi cháu H1, cháu N. Vì vậy đề nghị Tòa án giao cháu H1, cháu N cho anh H được nuôi dưỡng.

4, *Nguyện vọng của cháu Hoàng Ngọc H1*: Cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với anh H.

5, *Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Phú Thọ ngày 11/12/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị Đ và anh H có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2017 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã V, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên có xảy ra cãi vã. Chị Đ đã về nhà bố mẹ để chị Đ ở tại xã C, tỉnh Phú Thọ từ tháng 07/2025 đến nay, không quay về chung sống cùng anh H nữa. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh chị có 03 con chung là cháu Hoàng Ngọc H1, sinh ngày 14/11/2018; cháu Hoàng Thúy N, sinh ngày 06/7/2020 và cháu Hoàng Thanh H2, sinh ngày 05/10/2022. Hiện nay cháu H1, cháu N đang ở cùng anh H và bố mẹ đẻ anh H tại khu X, xã V, tỉnh Phú Thọ. Cháu H2 đang ở cùng chị Đ và bố mẹ đẻ chị Đ tại xã C, tỉnh Phú Thọ. Nay chị Đ xin ly hôn anh H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Kim Đ được ly hôn anh Hoàng Công H.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Ngọc H1, sinh ngày 14/11/2018 và cháu Hoàng Thúy N, sinh ngày 06/7/2020 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H1, cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Thanh H2, sinh ngày 05/10/2022 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H2 thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thúy N cùng anh H là 2.000.000đ/ 1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị Đ, anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Kim Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại khu X, xã V, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ Điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị Đ có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H đã được Toà án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã V, tỉnh Phú Thọ) cho đăng ký kết hôn ngày 30/9/2017. Chị Đ cho rằng quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2025 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Phía anh H được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh H có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị Đ và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bố đẻ anh H là ông Hoàng Văn L xác nhận chị Đ và anh H chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, không bảo ban được nhau nên có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ chị Đ ở xã C từ tháng 07/2025 đến nay, từ đó không quay về chung sống cùng anh H nữa. Anh chị ly thân từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh H được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên có xảy ra cãi vã. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ chị Đ ở tại xã C, tỉnh Phú Thọ từ tháng 07/2025 đến nay, không quay về chung sống cùng anh H nữa. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị Đ được ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Đ, anh H có 03 con chung là cháu Hoàng Ngọc H1, sinh ngày 14/11/2018; cháu Hoàng Thúy N, sinh ngày 06/7/2020 và cháu Hoàng Thanh H2, sinh ngày 05/10/2022. Khi ly hôn chị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và nhất trí giao H1, cháu N cho anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay cháu H1, cháu N đang ở cùng anh H, cháu H2 đang ở cùng chị Đ. Nguyên vọng của cháu H1 xin được ở với anh H. Chị Đ, anh H đều làm lao động tự do, có thu nhập đảm bảo điều kiện để nuôi con. Anh H hiện vẫn có hộ khẩu và sinh sống tại địa phương. Vì vậy để đảm bảo chỗ ăn ở, sinh hoạt ổn định và học tập của các cháu khi ly hôn cần giao cháu H1, cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H2 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thùy N1 cùng anh H là 2.000.000đ/01 tháng, kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu N1 thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Hội đồng xét xử xét là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Kim Đ được ly hôn anh Hoàng Công H.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Ngọc H1, sinh ngày 14/11/2018 và cháu Hoàng Thúy N, sinh ngày 06/7/2020 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H1, cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Thanh H2, sinh ngày 05/10/2022 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H2 thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thùy N1 cùng

anh H là 2.000.000đ/ 1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu N1 thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị Đ, anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Đinh Thị Kim Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003450 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Đ còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã V, tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú THỌ;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Đinh Thị Thu Huyền**